

Bản án số: 146/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Ông Hoàng Sĩ Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/6/2022 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Thị H**, sinh năm 1992.

ĐKKHTT: Khu dân cư Đ, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Số 85 T, KDC K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Vũ Thị C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ thành phố C, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Trịnh Văn L**, sinh ngày: 24/01/1987.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư Đ, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan. (Vắng mặt).

3. Người làm chứng: Ông Trịnh Văn B, sinh năm 1961. Địa chỉ: Khu dân cư Đ, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Dương Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L quen biết nhau trên cơ sở hoàn toàn tự và đăng ký kết hôn vào ngày 06/7/2011 tại UBND xã C, thị xã C (nay là UBND phường C, thành phố C). Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại nhà anh Lở tại Khu dân cư Đ, phường C, thành phố C. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do điều kiện kinh tế khó khăn, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Năm 2016 anh L đi lao động tại Đài Loan. Từ đó vợ chồng càng ít quan tâm, chia sẻ. Năm 2018 anh L có về thăm nhà khoảng 20 ngày sau đó lại quay lại Đài Loan nhưng tình cảm vợ chồng anh chị vẫn không hàn gắn được mặc dù đã được bố mẹ hai bên động viên. Năm 2019 chị H sang Đài Loan lao động nhưng không ở cùng anh L. Tháng 3 năm 2021 chị H về Việt Nam nhưng chuyển về nhà mẹ để sống tại khu dân cư K, phường C, thành phố C. Chị H và anh L đã hơn ba năm nay không liên lạc với nhau. Nay Chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục mối quan hệ vợ chồng với anh L nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

- Về quan hệ con chung: Chị H và anh L có hai con chung là Trịnh Hoàng P, sinh ngày 17/5/2012 và Trịnh Duy P1, sinh ngày 28/3/2014. Hiện hai cháu đang ở cùng ông bà nội, hai cháu có chỗ ở và nơi học tập ổn định, được ông bà chăm sóc nội chăm sóc từ bé chu đáo. Chị H có quan điểm hiện công việc không ổn định, thường xuyên phải đi làm xa nhà nên không có đủ điều kiện để chăm nuôi hai con chu đáo như ông bà nội, Chị H cũng không muốn tách hai anh em cháu P và P1 sống xa nhau, mỗi người một nơi. Bản thân anh L cũng có nguyện vọng được nuôi cả hai con và ông B là ông nội các cháu cũng xác định nhận ủy quyền của anh L để tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu. Vì vậy khi vợ chồng ly hôn chị H đề nghị tòa án giải quyết cho anh L nuôi cả hai con. Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000đ/1 người con/1tháng x 02 người con = 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai, bố đẻ của anh Trịnh Văn L là ông Trịnh Văn B trình bày: Ông B là bố đẻ của anh Trịnh Văn L và chị Dương Thị H là vợ anh L và là con dâu của ông. Anh L và chị H kết hôn tự nguyện và có đăng ký tại UBND phường C. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống chung cùng gia đình ông. Mâu thuẫn của anh L và chị H thì ông không nắm được. Hiện con trai ông là anh Trịnh Văn L đang lao động tại Đài Loan. Do anh L không nói địa chỉ cụ thể nên ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh L tại Đài Loan cho Tòa án được. Gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với anh L nên ông Bằng nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho anh L biết việc Chị H đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đồng thời thông báo nội dung các văn bản tố tụng của tòa án cho anh L biết. Qua trao đổi thì ông được anh L cho biết anh L có quan điểm rằng vợ chồng ly thân đã lâu, có mâu thuẫn nên chị H xin ly hôn anh L đồng ý. Anh L xác định vợ chồng có 02 con chung là Trịnh Hoàng P, sinh ngày 17/5/2012 và Trịnh Duy P1, sinh ngày 28/3/2014 hiện đang ở cùng với ông B. Khi ly hôn anh L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung do hiện anh L không có mặt ở Việt Nam nên ủy quyền cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu. Về chi phí chăm sóc thì ông B xác định do ông và anh L tự thỏa thuận, không đề nghị tòa án giải quyết. Anh L có quan điểm Chị H đề nghị tòa án giải quyết cho anh L nuôi cả hai con và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000đ/1 người con/1tháng x 02 người con = 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi thì anh L đồng ý. Về tài sản chung anh L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc thường xuyên thay đổi địa chỉ nên anh L không thể cung cấp địa chỉ cụ thể, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh L và tổng đạt các văn bản thông qua bố đẻ anh là ông B. Ông B đồng ý nhận thay để thông báo cho anh L. Ngoài ra ông B không trình bày hay có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay:

Các đương sự đều vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đến nay tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cũng như những người tham gia tố tụng cơ bản tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56,81,82,83 Luật HN&GD năm 2014, Điều 147 BLTTDS năm 2015, Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận xử cho chị Dương Thị H được

ly hôn anh Trịnh Văn L. Giao cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trịnh Hoàng P, sinh ngày 17/5/2012 và Trịnh Duy P1, sinh ngày 28/3/2014. Chị H cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000đ/1 người con/1tháng x 02 người con = 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Chị Dương Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trịnh Văn L là người Việt Nam hiện đang lao động tại Đài Loan, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Theo Công văn của Cục quản lý xuất nhập cảnh, lần gần nhất anh L xuất cảnh là vào ngày 17/3/2020. Từ đó đến nay anh L chưa nhập cảnh lần nào.

Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Chị H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh L ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của anh L tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu bố đẻ anh L là ông Trịnh Văn B cung cấp địa chỉ của anh L đến lần thứ hai nhưng ông B cũng không biết địa chỉ của anh L tại Đài Loan. Tuy nhiên ông B vẫn liên lạc được với anh L nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho anh L. Đồng thời, Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị H vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt mặc dù đã được Tòa án thông báo qua thân nhân và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị H và anh L là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại nhà anh L ở tại Khu dân cư Đ, phường C, thành phố C. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do điều kiện kinh tế khó khăn, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Năm 2016 anh L đi lao động tại Đài Loan. Từ đó vợ

chồng càng ít quan tâm, chia sẻ. Năm 2018 anh L có về thăm nhà khoảng 20 ngày sau đó lại quay lại Đài Loan nhưng tình cảm vợ chồng anh chị vẫn không hàn gắn được mặc dù đã được bố mẹ hai bên động viên. Năm 2019 chị H sang Đài Loan lao động nhưng không ở cùng anh L. Tháng 3 năm 2021 chị H về Việt Nam nhưng chuyển về nhà mẹ đẻ sống. Chị H và anh L đã hơn 03 năm nay không liên lạc với nhau.

Xét thấy tình trạng vợ chồng giữa chị H và anh L đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Thông qua ông B thì anh L cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, ly thân đã lâu, đồng ý ly hôn với chị H nên cần chấp nhận cho chị H ly hôn với anh L là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị H và anh L cùng xác định có 02 con chung là Trịnh Hoàng P, sinh ngày 17/5/2012 và Trịnh Duy P1, sinh ngày 28/3/2014 hiện đang ở cùng với ông B. Hai cháu hiện có chỗ ở và nơi học tập ổn định, được ông bà nội chăm sóc từ bé chu đáo. Cháu P có nguyện vọng ở với bố, cháu P1 có nguyện vọng ở với mẹ tuy nhiên hai cháu đều xác định đã lâu không gặp mẹ và hiện được ông bà nội chăm sóc từ bé rất tốt. Bản thân anh L cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả hai con và bố anh L là ông B cũng xác định nhận ủy quyền của anh L để tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu, chi phí nuôi dưỡng ông B và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị H xác định cũng có nguyện vọng đề nghị tòa án giải quyết cho anh L tiếp tục nuôi con vì bản thân chị hiện không đủ điều kiện chăm sóc các con được chu đáo như ông bà nội và chị cũng không muốn tách các con làm xáo trộn cuộc sống của hai cháu. Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung số tiền 1.500.000đ/1 người con/1tháng x 02 người con = 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi thì anh L đồng ý.

Do đó cần chấp nhận cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến khi trưởng thành là phù hợp với nguyện vọng của con chung và nguyện vọng của anh L và chị H cũng là đảm bảo điều kiện sống ổn định và tốt nhất cho các con chung. Trong thời gian anh L không ở Việt Nam thì hai cháu P và P1 sẽ do bố đẻ của anh L là ông B tiếp tục chăm sóc thay. Chi phí chăm sóc hai cháu P và P1 do ông L và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xét. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung số tiền 1.500.000đ/1 người con/1tháng x 02 người con = 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị H và anh L cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 474, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Dương Thị H** được ly hôn anh **Trịnh Văn L**.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Trịnh Văn L được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trịnh Hoàng P, sinh ngày 17/5/2012 và Trịnh Duy P1, sinh ngày 28/3/2014 đến khi trưởng thành và do ông Trịnh Văn B, sinh năm 1961, địa chỉ: Khu dân cư Đ, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương tiếp tục thay anh L chăm sóc trong thời gian anh L không ở Việt Nam. Chị Dương Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.500.000đ/1 người con/1tháng x 02 người con = 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2022 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Dương Thị H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng, đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do chị Vũ Thị C đã nộp thay chị H tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2021/0001065 ngày 15/6/2022. Chị Dương Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Trịnh Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Chất